PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 420/QĐ-VACI ngày 07 tháng 03 năm 2025 của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: **PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Laboratory *TESTING LABORATORY*

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BIO VINA**

Holding organization: *BIO VINA TRADING PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY*

Lĩnh vực: **Thử nghiệm Hóa**

Field of testing: *Chemical Testing*

Người phụ trách/ *Representative*: **Nguyễn Kim Truyền**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/*Full name*	Phạm vi được ký/*Scope*
1.	**Nguyễn Kim Truyền**	Tất cả báo cáo/ GCN kết quả thử nghiệm (Đại diện pháp nhân) *All reporting/ Testing Certificate results (Legal representative)*
2.	**Nguyễn Chí Thình**	Tất cả các phép thử được công nhận *All accredited tests*

Số hiệu/*Code*: **VALAS 165**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation*: ***06/03/2030***

Địa chỉ văn phòng/*Headquarters:*

Lô B113, Đường số 5, Khu công nghiệp Thái Hòa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Lot B113, Road No.5, Thai Hoa Industrial Park, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/*Lab Location:*

Lô B113, Đường số 5, Khu công nghiệp Thái Hòa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Lot B113, Road No.5, Thai Hoa Industrial Park, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam

Số điện thoại/*Phone*: **0886.756.091**

Lĩnh vực thử nghiệm: ***Hóa học***

Field of testing: Chemical

STT *No.*	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phép thử thử cụ thể *Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/ range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
1	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định độ phân tán *Determination of dispersibility*	-	HD-02
2	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định tỷ suất lơ lửng *Determination of suspensibility*	-	HD-03
3	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định độ pH *Determination of pH value*	-	HD-04
4	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định tỷ trọng *Determination of density*	-	HD-05
5	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng EC** *EC pesticide formulations*	Xác định độ bền nhũ tương *Determination of emulsion stability*	-	HD-06
6	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định độ thấm ướt *Determination of wettability*	-	HD-07
7	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định độ mịn rây ướt *Determination of wet sieving*	-	HD-08
8	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định độ bọt *Determination of persistent foam*	-	HD-09

9	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng EC** *EC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Emamectin Benzoate Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Emamectin Benzoate content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-10
10	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Dinotefuran Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Dinotefuran content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-11
11	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Indoxacarb Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Indoxacarb content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-12
12	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Chlorfenapyr *Determination of Chlorfenapyr content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-13
13	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Chlorantraniprole Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Chlorantraniprole content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-14
14	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng EC** *EC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Thiamethoxam Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Thiamethoxam content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-15
15	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Buprofezin Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Buprofezin content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-16

16	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Acetamiprid Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Acetamiprid content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-17
17	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Difenoconazole Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Difenoconazole content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-18
18	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Tebuconazole Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Tebuconazole content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-19
19	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Fenoxanil Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Fenoxanil content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-20
20	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Dimethomorph Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Dimethomorph content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-21
21	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Oxolinic acid Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Oxolinic acid content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-22
22	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Metalaxyl Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Metalaxyl content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-23

23	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng WP** *WP pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Cymoxanil Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Cymoxanil content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-24
24	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Hexaconazole Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Hexaconazole content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-25
25	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Pyraclostrobin Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Pyraclostrobin content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-26
26	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SL** *SL pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Glufosinate ammonium Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Glufosinate ammonium content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-27
27	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Spirodiclofen Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Spirodiclofen content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-28
28	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Bifenazate Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Bifenazate content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-29
29	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Etoxazole Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Etoxazole content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-30

30	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng EC** *EC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Abamectin Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Abamectin content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-31
31	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng SC** *SC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Tricyclazole Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Tricyclazole content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-32
32	**Thuốc bảo vệ thực vật dạng EC** *EC pesticide formulations*	Xác định hàm lượng hoạt chất Butachlor Phương pháp sắc ký lỏng *Determination of Butachlor content* *HPLC-UV method*	1 %	HD-33

Ghi chú / *Note*:

1) Phương pháp thử/ Test methods:

- HD....: Phương pháp thử nghiệm do PTN xây dựng/ *Testing methods developed by the Laboratory;*

2) Trường hợp Phòng thử nghiệm thuộc Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bio Vina cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì Phòng thử nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case of providing product quality testing services, the Testing Laboratory must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*